

Số: 1712 /VTVcab

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2023

V/v: Giải trình lợi nhuận sau thuế TNDN
trên BCTC riêng quý 3 năm 2023 của
VTVcab thay đổi trên 10% so với cùng kỳ
năm trước và chuyển từ lãi ở báo cáo
cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Tổng Công ty Truyền hình cáp Việt Nam

Mã chứng khoán: CAB

Địa chỉ: Số 3/84 đường Ngọc Khánh, P.Giảng Võ, Q.Ba Đình, Hà Nội

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng
dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Quy chế công bố thông tin tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội ban
hành kèm theo Quyết định số 606/QĐ-SGDHN ngày 29/09/2016 của Tổng Giám đốc
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Công ty Cổ phần Tổng Công ty Truyền hình Cáp Việt Nam (VTVcab) giải trình
chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên Báo cáo tài chính riêng quý 3
năm 2023 của VTVcab thay đổi trên 10% so với cùng kỳ năm trước và chuyển từ lãi
ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này:

CHỈ TIÊU	Quý 3/2023	Quý 3/2022	Chênh lệch	
			Giá trị (VNĐ)	Tỷ lệ % tăng/giảm
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	501.062.064.891	609.383.913.198	(108.321.848.307)	-18%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	17.940.294	317.478.013	(299.537.719)	-94%
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	501.044.124.597	609.066.435.185	(108.022.310.588)	-18%
4. Giá vốn	395.872.665.107	494.991.242.050	(99.118.576.943)	-20%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	105.171.459.490	114.075.193.135	(8.903.733.645)	-8%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	13.442.226.567	14.265.325	13.427.961.242	94.130%
7. Chi phí tài chính	3.971.634.001	8.925.631.508	(4.953.997.507)	-56%
- Trong đó: Chi phí lãi vay	3.555.305.254	3.339.358.350	215.946.904	6%



CHỈ TIÊU	Quý 3/2023	Quý 3/2022	Chênh lệch	
			Giá trị (VNĐ)	Tỷ lệ % tăng/giảm
8. Chi phí bán hàng	57.254.949.717	50.678.713.847	6.576.235.870	13%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	65.787.757.798	44.440.039.001	21.347.718.797	48%
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	(8.400.655.459)	10.045.074.104	(18.445.729.563)	-184%
11. Thu nhập khác	288.133	26.412	261.721	991%
12. Chi phí khác	60.435.878	6.005.352	54.430.526	906%
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	(60.147.745)	(5.978.940)	(54.168.805)	906%
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	(8.460.803.204)	10.039.095.164	(18.499.898.368)	-184%
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.006.500	1.898.600.482	(1.897.593.982)	-100%
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	113.081.868	(113.081.868)	-100%
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)	(8.461.809.704)	8.027.412.814	(16.489.222.518)	-205%

Chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính riêng quý 3 năm 2023 của VTVcab giảm 205% so với Báo cáo tài chính riêng quý 3 năm 2022.

Trong quý 3 năm 2023, tình hình kinh doanh ngày càng khó khăn, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của VTVcab giảm 18% so với cùng kỳ năm trước. Mặc dù, VTVcab đã áp dụng các biện pháp để chi phí giá vốn hàng bán giảm 20%, chi phí tài chính giảm 56% tuy nhiên chi phí bán hàng tăng 13%, chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 48% dẫn đến tổng lợi nhuận sau thuế quý 3 năm 2023 của VTVcab giảm 205% so với cùng kỳ năm 2022, đồng thời kết quả kinh doanh chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VP, TCKT

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Hoàng Ngọc Huân